

Số: TVHN-239/AGIA

An Giang, ngày 27 tháng 8 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước lên chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước lên dần.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước biến đổi chậm, mực nước cao nhất và thấp ngày 26/8 ở mức xấp xỉ và cao hơn so với cùng kỳ năm 2024 từ 05-30cm, thấp hơn cùng kỳ TBNN từ 25-105cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước lên chậm theo triều, mực nước cao nhất ngày 26/8 ở xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-40cm; mực nước thấp nhất ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 05-20cm; thấp hơn cùng kỳ TBNN từ 05-55cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch lên chậm, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 26/8 hầu hết ở mức cao hơn so với cùng kỳ năm 2024 từ 10-45cm. Riêng trên kênh Vĩnh Tế từ Xuân Tô đến Vĩnh Gia, mực nước cao nhất và thấp nhất đều ở mức thấp hơn so với cùng kỳ TBNN từ 10-65cm.

- Khu vực cửa sông: Trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô, mực nước xuống theo xu thế triều biển Tây, mực nước cao nhất ngày 26/8 ở mức xấp xỉ TBNN, thấp hơn 14cm so với cùng kỳ năm 2024; mực nước thấp nhất ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 30-40cm.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh xuống chậm theo xu thế triều trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước cao nhất và thấp nhất xuống theo triều trong 5 ngày tới.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch có xu thế ít biến đổi trong 1-2 ngày đầu, sau đó xuống chậm trong những ngày tiếp theo.

- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé tiếp tục xuống chậm đến hết ngày 28/8, sau đó mực lại theo xu thế triều biển Tây.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn; Biên độ mực nước dao động lớn và mực nước xuống thấp, nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 28/08/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 26/08						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			27/8	28/8	29/8	30/8	31/8	27/8	28/8	29/8	30/8	31/8
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	186	26	-107	243	18	-69	242	239	235	231	226	190	188	183	178	173
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	119	17	-40	218	12	11	216	213	208	203	197	124	122	119	116	111
Hậu	Khánh An	420	470	520	318	28	-49	325	23	-43	325	323	321	319	315	319	318	316	314	310
	Châu Đốc	300	350	400	162	12	-76	235	5	-28	235	232	229	226	221	165	163	158	153	148
	Long Xuyên	190	220	250	90	8	-8	216	6	40	214	211	206	201	195	96	94	91	88	83
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	126	13	-55	219	8	-3	217	214	209	205	200	131	129	126	123	118
Vinh Tế	Xuân Tô	300	350	400	158	41	-55	162	44	-64	164	166	167	167	166	160	162	163	163	162
	Vinh Gia	200	240	280	89	27	-9	97	31	-12	99	99	98	97	95	94	95	95	94	92
	Vinh Điều	170	200	230	83	28	12	93	25	13	95	95	94	93	91	87	88	87	86	84
T3	Vinh Phú	150	180	210	84	16	13	93	22	17	94	94	93	92	90	88	89	88	87	85
T5	Nông Trường	160	190	220	91	18	12	95	19	12	96	96	95	94	92	92	93	92	91	89
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	117	27	-16	121	21	-17	123	123	122	121	119	118	119	118	117	115
	Cô Tô	140	180	220	120	24	18	123	21	18	124	124	123	122	120	121	122	121	120	118
	Nam Thái Sơn	90	120	150	86	13	-	90	13	-	91	91	90	89	87	86	88	87	86	84
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	87	22	-13	92	25	-14	94	94	93	92	90	88	89	88	87	85
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	131	27	25	141	25	30	143	143	142	141	139	132	133	132	131	129
Núi Chóc Năng Gù	Vinh Hanh	190	230	270	155	27	-3	180	18	9	182	182	181	180	178	156	157	156	155	153
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	114	21	-2	142	27	18	144	144	143	142	140	115	116	115	114	112
	Tân Thành	120	150	180	100	22	23	108	18	22	110	110	109	107	104	101	102	101	100	98
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	78	14	22	84	14	19	86	86	85	83	80	79	80	79	78	76
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	6	11	11	53	6	4	56	57	55	53	50	10	12	11	8	3
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-11	25	13	54	1	1	50	48	50	52	58	-9	-13	-19	-23	-27

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





